

Bản án số: 529/2025/HS-PT

Ngày: 16-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Viết Hùng

2/ Ông Lê Công Huân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 407/2025/HSPT ngày 12/8/2025 đối với bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HSST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1/ Nguyễn Công T; giới tính: Nam; sinh năm 1993, tại tỉnh Thanh Hoá; hộ khẩu thường trú: KV B, phường P, quận Ô (nay là KV B, phường P), Thành phố Cần Thơ; chỗ ở hiện tại: Số H T, xã G, huyện T (nay là : Số H T, xã G), tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Công H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam từ ngày 11/9/2024 đến ngày 12/11/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Nguyễn Công T1; giới tính: Nam; sinh năm 1999, tại tỉnh Thanh Hoá; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 8 T, xã G, huyện T (nay là 8 T, xã G), tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Công H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972 ; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hoài T4, sinh năm 2001 và 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/9/2024 đến 12/11/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Nguyễn Tiến D; giới tính: Nam; sinh năm 1998, tại Thành phố Hà Nội; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã Y, huyện T (nay là thôn S, xã Y), Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên; con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1969 và bà Khuất Thị H1, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/11/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

4/ Phạm Văn T2; giới tính: nam; sinh năm 1993, tại tỉnh Vĩnh Phúc; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Thôn L, xã V, tỉnh Phú Thọ); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1955 và bà Trần Thị B1, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/11/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án này còn có bị cáo Trần Quốc Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Minh T6, anh Nguyễn Công V, bà Chang H2, ông Hsiao Chao Y, bà Võ Ngọc Kim N không có kháng cáo và không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 nên Hội đồng xét xử không triệu tập tham gia tại phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Minh T6 thuê căn hộ A2 16.09 tại chung cư S, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/9/2023, sống chung như vợ, chồng với Nguyễn Công T và hai em trai của anh T là Nguyễn Công T1 và Nguyễn Công V. Đến hạn thanh toán tiền thuê nhà, T6 không đóng tiền thuê nhà theo hợp đồng. Lúc 10 giờ ngày 15/12/2023, bà Chang H2 cùng với ông Hsiao Chao Y và Võ Ngọc Kim N đến căn hộ A 16.09 Chung cư S, phường T, Quận G để chấm dứt hợp đồng thuê nhà. Tại đây, bà Chang H2 đưa cho ông H3 Chao Yuan thẻ từ để mở khóa vào căn hộ. Khi vào bên trong căn hộ, ông Hsiao Chao Y và Võ Ngọc Kim N yêu cầu T6 trong vòng một giờ phải dọn hết đồ của mình ra khỏi căn hộ. Tuy nhiên T6 không đồng ý dọn đồ ra khỏi căn hộ và xảy ra tranh cãi. Sau đó, T6 điện thoại cho Nguyễn Công T về xử lý. Khi đó Nguyễn Công T và em là Nguyễn Công T1 đang ở thành phố B, Đồng Nai nói chuyện với Trần Quốc Đ, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 để tuyển dụng T2, D làm việc. Sau khi nghe điện thoại của T6, T kêu T1 điều khiển xe ô tô Mitsubishi Xpander chở Nguyễn Công T về, và cho Trần Quốc Đ, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 đi theo từ Đồng Nai về Thành

phố Hồ Chí Minh để mượn xe gắn máy đi làm, cả nhóm đã cùng về đến Chung cư S, phường T, Quận G.

Đến khoảng 11 giờ 15 phút, T cùng T1, D, Đ, T2 lên đến căn hộ A2 16.09, thấy 01 nhóm người đang đứng trong căn hộ A2 16.09, trong đó có những người được thuê dọn đồ trong căn hộ A2 16.09. Khi T gặp ông Hsiao Chao Y và N, thì N nói với T phải dọn đồ đi trong hôm nay. Do tức giận nên T đã đuổi ông Hsiao Chao Y và chị N ra phía ngoài khu vực sảnh thang máy tầng 16. Lúc đó, T1 dùng chân trái đạp vào chân ông Hsiao Chao Y, T dùng chân phải đá vào người, dùng tay phải đánh vào vùng gáy, mặt của ông Hsiao Chao Y. Thấy T và T1 đánh ông Hsiao Chao Y, thì T2 dùng tay phải đánh vào gáy ông Hsiao Chao Y, Đ dùng tay trái đánh vào sườn bên trái ông Hsiao Chao Y. Cùng lúc T và D dùng chân phải đá vào mặt ông H3 Chao Yuan làm ông ta ngã xuống đất. Bảo vệ tòa nhà can T lại, bà N đưa ông H3 Chao Yuan vào thang máy để đi xuống tòa nhà, T và Đ thấy vậy mới kéo ông Hsiao Chao Y và Võ Thị Kim N1 từ trong thang máy vào lại khu vực sảnh. Lúc này, bà N1 ôm ông Hsiao Chao Y lại không cho đánh tiếp. Ông Hsiao Chao Y được bà N1 đưa xuống khu vực sảnh dưới tầng trệt tòa nhà thì Công an phường T đến mời tất cả những người liên quan đến vụ việc về làm việc.

Tại cơ quan công an, các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Trần Quốc Đ, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Ông Hsiao Chao Y đã tự nguyện viết đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không yêu cầu giám định thương tật.

Ủy ban nhân dân phường T có công văn số 1294 ngày 15/5/2024 xác định vụ việc trên đã gây hoang mang, bàn tán, ảnh hưởng đến cư dân và sinh hoạt chung của Tòa nhà. Bên cạnh đó, người bị hại là người có quốc tịch Đài Loan - Trung Quốc nên có gây ảnh hưởng về ngoại giao giữa hai nước. Việc các đối tượng đồng, nhiều người cùng đánh và hành hung gây thương tích cho một người đến hai lần đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HSST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Phạm Văn T2, Trần Quốc Đ, Nguyễn Tiến D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc Đ 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2024;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam là từ ngày 11/9/2024 đến ngày 12/11/2024;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T1 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam là từ ngày 11/9/2024 đến ngày 12/11/2024;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án;

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Tiến D cho đến khi có Quyết định Thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/7/2025, bị cáo Nguyễn Tiến D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Gia đình bị cáo có công với cách mạng, cha đang hưởng chế độ 62 từ trước tới khi phạm tội; bản thân chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngày 02/7/2025, bị cáo Phạm Văn T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước; trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngày 08/7/2025, bị cáo Nguyễn Công T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp bản photo Huân chương kháng chiến hạng III của ông Nguyễn Công N2 là ông nội của bị cáo và Huân chương kháng chiến hạng III của bà Lê Thị T7 là bà nội của bị cáo.

Ngày 08/7/2025, bị cáo Nguyễn Công T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp bản photo Huân chương kháng chiến hạng III của ông Nguyễn Công N2 là ông nội của bị cáo và Huân chương kháng chiến hạng III của bà Lê Thị T7 là bà nội của bị cáo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, đồng thời đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và bổ sung yêu cầu kháng cáo xin cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Công T và đồng phạm về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo, bị cáo

T, T1 và người thân vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng thuê nhà đã được yêu cầu dọn đồ ra trả lại nhà, nhưng các bị cáo không thực hiện hay tìm cách giải quyết hợp lý, mà các bị cáo đã cùng nhau dùng tay, chân xô đẩy, lôi kéo đánh đập ông Hsiao Chao Y là người nước ngoài. Các bị cáo D, T2, Đ thấy sự việc không can ngăn mà xông vào cùng với các bị cáo T, T1 xô xát đánh ông Y tại khu vực sảnh thang máy khu chung cư đã được bảo vệ can ngăn đưa vào thang máy, nhưng các bị cáo tiếp tục lôi ông Y ra ngoài sảnh đánh tiếp thì được người khác ôm lại. Hành vi này thể hiện sự hung hăng, côn đồ, xem thường pháp luật của các bị cáo nên cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục. Các bị cáo T và T1 trình bày trong đơn kháng cáo có ông nội, bà nội là Nguyễn Công N2, Lê Thị T7 và nộp kèm bản photo ông N2 và bà T7 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Tuy nhiên, nguyên nhân sự việc ẩu đả do các bị cáo khởi xướng, đồng thời quá trình điều tra các bị cáo T, T1 vi phạm nghĩa vụ cấm đi khỏi nơi cư trú bị truy nã gây khó khăn cho hoạt động điều tra. Hành vi của các bị cáo gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của người dân trong xã hội được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bồi thường thiệt hại cho người bị đánh là ông Y quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng quy định của pháp luật, nhưng mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo nằm trong khung hình phạt quy định nên đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Mức hình phạt 10 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Công T1 tranh luận với đại diện Viện kiểm sát: Khi bị cáo và bị cáo T được cho tại ngoại thì bị cáo và bị cáo T không có nơi ở ổn định, phải đi kiếm chỗ ở mới. Bị cáo có để lại số điện thoại cho Cơ quan điều tra nhưng không có ai liên lạc, bị cáo cũng đưa căn cước công dân cho chủ trọ để đăng ký tạm trú. Bị cáo không biết tại sao mình bị truy nã.

-Các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Tiến D và Phạm Văn T2 không tự bào chữa, mà đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, luật sư, các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 30/6/2025, Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm. Ngày 02/7/2025, bị cáo Nguyễn Tiến D và bị cáo Phạm Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 08/7/2025, bị cáo Nguyễn Công T và bị cáo Nguyễn Công T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, trên cơ sở toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo về toàn bộ hành vi phạm tội và nội dung bản án sơ thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận: Lúc 11 giờ 15 phút, ngày 15/12/2023, tại sảnh thang máy tầng A,

chung cư S, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Phạm Văn T2, Trần Quốc Đ, Nguyễn Tiến D có hành vi xô xát, dùng tay chân đánh ông Hsiao Chao Y. Ủy ban nhân dân phường T có công văn số 1294 ngày 15/5/2024 xác định vụ việc trên đã gây hoang mang, bàn tán, ảnh hưởng đến cư dân và sinh hoạt chung của Tòa nhà. Bên cạnh đó, người bị đánh là người có quốc tịch Đài Loan – Trung Quốc nên có gây ảnh hưởng về ngoại giao giữa hai nước. Việc các đối tượng đồng, nhiều người cùng đánh và hành hung gây thương tích cho một người đến hai lần đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Tiến D đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và bổ sung yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Về mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo, khi lượng hình Tòa án nhân dân Quận G (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị đánh là ông Hsiao Chao Y có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Gia đình của bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1 đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị đánh là ông Hsiao Chao Y, nên bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định về mức hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1 cung cấp thêm bản photo Huân chương kháng chiến hạng III của ông Nguyễn Công N2 là ông nội của bị cáo và Huân chương kháng chiến hạng III của bà Lê Thị T7 là bà nội của các bị cáo; bị cáo Nguyễn Tiến D cung cấp chứng cứ gia đình có công với cách mạng, cha đang hưởng chế độ 62 nên các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn T2 có đơn kháng cáo với lý do trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Trên cơ sở hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 mức hình phạt 10 tháng tù, về tội “Gây rối trật tự công cộng” là

phù hợp với các quy định của pháp luật, mặc dù 03 bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới, song hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự côn đồ, nguy hiểm khi nhiều người tấn công đánh một người nhiều lần, lại là người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam, ảnh hưởng đến hình ảnh của Việt Nam nói chung, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, các bị cáo đều không có nơi cư trú rõ ràng, nhất là bị cáo T, T1 vi phạm nghĩa vụ cấm đi khỏi nơi cư trú bị truy nã gây khó khăn cho hoạt động điều tra, nên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo của các bị cáo là không có cơ sở để xem xét. Từ đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt cho các bị cáo.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D, Phạm Văn T2 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2025/HSST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

2.1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam là từ ngày 11/9/2024 đến ngày 12/11/2024;

2.2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T1 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam là từ ngày 11/9/2024 đến ngày 12/11/2024;

2.3/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án;

2.4/ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án, của Ủy ban thường vụ Q,

Các bị cáo Nguyễn Công T, Nguyễn Công T1, Nguyễn Tiến D và Phạm Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|-----|
| - TANDTC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - VKSND Khu vực 6; | (1) |
| - P. PC27 – CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (4) |
| - THA Khu vực 6; | (4) |
| - TAND Khu vực 6; | (1) |
| - Công an TPHCM; | (1) |
| - UBND nơi BC cư trú; | (4) |
| - Sở tư pháp; | (1) |
| - Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (29) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn